TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 199/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 20-4-2018
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Phúc Hảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Cao Kim Triều
2. Bà Hoàng Thị Lợi

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Phương, cán bộ Tòa án nhân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 tham gia phiên toà*:** Bà Trần Lệ Thủy, Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 2328/2017/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2017 về Tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1623/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh L, sinh năm 1966 (vắng mặt)
Địa chỉ thường trú: 119/28 Nguyễn Văn C, Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.
Địa chỉ liên lạc: 606A Phạm Thế H, Phường H, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Hồ Hồng H, sinh năm 1965(vắng mặt)
Địa chỉ: 61/8 đường B, phường C, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/12/2017 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh L trình bày:

Bà và ông Hồ Hồng H tự nguyện chung sống với nhau vào tháng 6/2001, không đăng ký kết hôn, có một con chung là Hồ Gia H, sinh ngày 14/6/2002;

trong khoảng thời gian sống chung vì không hợp tính tình nên đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, đã ly thân từ tháng 6/2003. Nay để ổn định đời sống riêng của mỗi người nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H.

Về con chung: có 01 con chung tên Hồ Gia H, sinh ngày 14/6/2002, bà yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

- *Tại bản khai đề ngày 19/01/2018, bị đơn ông Hồ Hồng H trình bày:*

Ông xác nhận lời trình bày của bà L về thời gian sống chung, con chung, mâu thuẫn vợ chồng là đúng. Nay bà L yêu cầu ly hôn, ông đồng ý và đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà L.

Về con chung: có 01 con chung tên Hồ Gia H, sinh ngày 14/6/2002, ông đồng ý giao con chung cho bà Nguyễn Thị Thanh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

- *Tại bản khai đề ngày 22/01/2018, con chung Hồ Gia H trình bày:*

Con là con của bố Hồ Hồng H và mẹ Nguyễn Thị Thanh L. Nếu bố mẹ con ly hôn với nhau, con xin được ở với mẹ vì mẹ đã chăm sóc, nuôi dưỡng con từ nhỏ đến nay, con rất yêu thương mẹ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:*

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ đầy đủ, thủ tục cấp, tống đạt văn bản tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung:

Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định bà Nguyễn Thị Thanh L và ông Hồ Hồng H sống chung từ tháng 6/2001, không đăng ký kết hôn, có một con chung là Hồ Gia H, sinh ngày 14/6/2002 nay bà L yêu cầu ly hôn với ông H, ông H đồng ý hôn, tài sản chung và nợ chung: không có.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, 15, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà L và ông H. Giao con chung tên Hồ Gia H, sinh ngày 14/6/2002 cho bà Nguyễn Thị Thanh L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về pháp luật tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Thanh L và ông Hồ Hồng H tự nguyện chung sống với nhau từ tháng 6/2001, không đăng ký kết hôn, có một con chung Hồ Gia H, sinh ngày 14/6/2002; nay trong cuộc sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, bà L xin ly hôn ông H, ông H cư trú tại Quận 1, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt đề ngày 02/4/2018 của ông Hồ Hồng H và đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt đề ngày 02/4/2018 của bà Nguyễn Thị Thanh L; Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà L, ông H theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về pháp luật nội dung:

- Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Thanh L, Hội đồng xét xử xét thấy:

Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này*".

Bà Nguyễn Thị Thanh L và ông Hồ Hồng H chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 6/2001, hai bên có đủ điều kiện để đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và Gia đình nhưng không đăng ký kết hôn; nay cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông H, ông H đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà L. Yêu cầu xin ly hôn và đồng ý ly hôn của hai bên không được Tòa án công nhận thuận tình ly hôn mà xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà L và ông H.

- Xét yêu cầu được nuôi con chung của bà Nguyễn Thị Thanh L, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào bản sao trích lục khai sinh của Ủy ban nhân dân Phường M, Quận N, lời khai của ông Hồ Hồng H, bà Nguyễn Thị Thanh L, con chung Hồ Gia H đủ cơ sở xác định: Ông Hồ Hồng H và bà Nguyễn Thị Thanh L có 01 con chung tên Hồ Gia H, sinh ngày 14/6/2002.

Tại biên bản hòa giải về con chung ngày 15/3/2018, ông Hồ Hồng H và bà Nguyễn Thị Thanh L thỏa thuận: Giao con chung Hồ Gia H, sinh ngày 14/6/2002 cho bà Nguyễn Thị Thanh L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ghi nhận sự tự nguyện của bà L không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Xét việc quyết định giao con cho người cha hoặc người mẹ nuôi dưỡng sau khi ly hôn cần phải dựa trên quyền lợi về mọi mặt của người con, về điều kiện trông nom chăm sóc. Bà L là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con từ nhỏ đến nay, cuộc sống của con vẫn ổn định nên để đảm bảo về vật chất, tinh thần, sự phát triển bình thường, ổn định của con nên không cần thiết phải thay đổi người trực tiếp nuôi con. Bên cạnh đó, tại bản khai ngày 22/01/2018, cháu H trình bày nguyện vọng muốn được ở với mẹ trong trường hợp ba mẹ ly hôn, do đó việc giao con chung cho bà Nguyễn Thị Thanh L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Căn cứ các Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L.

Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Án phí dân sự sơ thẩm*: Bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 266, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 14, Điều 15; Khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82; Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, giảm, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

- *Về hôn nhân*: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Thanh L và ông Hồ Hồng H.

- *Về con chung*: Giao con chung tên Hồ Gia H, sinh ngày 14/6/2002 cho bà Nguyễn Thị Thanh L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ghi nhận sự tự nguyện của bà L không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Ông H được quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung.

Vì quyền lợi của con chung khi cần thiết, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi giữ, việc cấp dưỡng nuôi con chung.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/20187/0022471 ngày 18/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Bà L, ông H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q. 1;
- CCTHADS Q.1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thị Phúc Hảo